

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

04 - 05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bảng cân đối kế toán

06 - 07

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

08

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

09 - 10

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng

11 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105087537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2010.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537, thay đổi lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/11/2021.

Công ty có trụ sở chính tại: 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Dương Thị Huyền	Thành viên/Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
Ông Phạm Văn Trường	Thành viên
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Huế	Trưởng ban
Bà Hà Thị Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19/4/2023)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Mai Anh Tám - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

4. Các sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 1706/2023/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023 đã thông qua việc tiếp tục phương án tăng vốn điều lệ (Kế hoạch tăng vốn này đã được thông qua trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022). Cụ thể: phát hành 1.800.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 6%); chào bán 30.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán 20.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã quyết định các vấn đề có liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán cổ phiếu riêng lẻ và đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu. Ngày 05/02/2024, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 13/GCN-UBCK.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ngoài những sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh trong năm và sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 38, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam



DƯƠNG THỊ HUYẾN

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024



Số: 027/2024/BCKT-HT.00168

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/3/2024, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 31/3/2023.

Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 1673-2023-009-1
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

NGUYỄN ĐĂNG SỸ

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 3725-2021-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		241.170.616.014	227.566.183.275
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	59.143.467.602	22.364.375.283
Tiền	111		23.323.467.602	9.364.375.283
Các khoản tương đương tiền	112		35.820.000.000	13.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	48.420.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		48.420.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.654.758.356	151.914.188.945
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	8.225.018.642	26.413.393.056
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	66.276.379.077	77.600.352.752
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	13.236.360.792	48.721.987.089
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(83.000.155)	(821.543.952)
Hàng tồn kho	140	5.8	42.121.233.758	48.694.101.577
Hàng tồn kho	141		42.121.233.758	48.694.101.577
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.831.156.298	4.593.517.470
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	4.850.726	17.913.023
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.826.305.572	4.575.604.447
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		273.038.717.017	263.113.707.551
Tài sản cố định	220		22.470.985.360	24.434.738.509
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	22.470.985.360	24.434.738.509
- Nguyên giá	222		29.532.040.821	28.378.691.185
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.061.055.461)	(3.943.952.676)
Tài sản dở dang dài hạn	240		44.005.649.383	25.791.423.269
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	44.005.649.383	25.791.423.269
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	206.450.000.000	212.740.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		205.950.000.000	205.950.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		500.000.000	6.790.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		112.082.274	147.545.773
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	112.082.274	147.545.773
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		514.209.333.031	490.679.890.826

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối năm	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		140.569.609.732	137.563.987.851
Nợ ngắn hạn	310		139.210.201.972	136.685.660.959
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	2.504.092.232	3.275.695.070
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	-	1.307.392.640
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.301.152.382	1.444.680.556
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	168.488.096	147.992.168
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	473.450.500	506.450.500
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	134.763.018.762	130.003.450.025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Nợ dài hạn	330		1.359.407.760	878.326.892
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	1.359.407.760	878.326.892
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		373.639.723.299	353.115.902.975
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	373.639.723.299	353.115.902.975
Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.994.118.374	42.470.298.050
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		42.392.298.050	22.337.546.086
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.601.820.324	20.132.751.964
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		514.209.333.031	490.679.890.826

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ GIANG

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

DƯƠNG THỊ HUYỀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	300.283.749.821	356.606.582.033
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		300.283.749.821	356.606.582.033
Giá vốn hàng bán	11	6.2	288.444.625.200	347.019.566.929
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.839.124.621	9.587.015.104
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	17.492.791.667	20.310.461.044
Chi phí tài chính	22	6.4	3.703.705.310	2.770.261.741
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.506.173.676	2.520.497.358
Chi phí bán hàng	25	6.5	435.153.672	1.382.364.850
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	3.735.607.786	4.069.317.011
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.457.449.520	21.675.532.546
Thu nhập khác	31	6.7	27.229.863	575.690.209
Chi phí khác	32	6.8	30.027.336	928.742.459
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.797.473)	(353.052.250)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.454.652.047	21.322.480.296
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	852.831.723	1.189.728.332
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		20.601.820.324	20.132.751.964

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ GIANG

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

DƯƠNG THỊ HUYỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		21.454.652.047	21.322.480.296
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		3.352.209.116	2.482.640.171
Các khoản dự phòng	03		(738.543.797)	821.543.952
(Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		78.632.260	(44.672.907)
(Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.303.501.727)	(20.247.328.377)
Chi phí lãi vay	06		3.506.173.676	2.520.497.358
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.349.621.575	6.855.160.493
(Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		29.260.442.210	(64.547.693.340)
(Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		6.572.867.819	34.998.796.279
Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(2.278.382.478)	(24.680.507.709)
(Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		48.525.796	(94.375.572)
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.485.677.748)	(2.465.039.485)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(907.972.897)	(754.335.102)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.559.424.277	(50.687.994.436)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.758.651.565)	(26.352.115.637)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		179.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(83.420.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		41.290.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		28.573.000.000	10.775.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.194.302.262	12.384.107.281
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.942.349.303)	(3.193.008.356)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		384.475.432.123	368.724.032.767
Tiền trả nợ gốc vay	34		(379.316.469.648)	(322.569.470.802)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.158.962.475	46.154.561.965
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		36.776.037.449	(7.726.440.827)
(50 = 20+30+40)				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22.364.375.283	30.065.156.299
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.054.870	25.659.811
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	59.143.467.602	22.364.375.283
(70 = 50+60+61)				

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ GIANG

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

DƯƠNG THỊ HUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105087537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2010.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537, thay đổi lần thứ 09 ngày 12/11/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 300.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Công ty là sản xuất; kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác khí đốt tự nhiên;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ đồ nông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đầu tư bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện);
- Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời);
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ);
- Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại: 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 20 người (tại ngày 31/12/2022 là 22 người).

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty có 01 công ty con: Công ty Cổ phần Công nghệ CRC; Công ty Cổ phần Công nghệ CRC có 13 công ty con (tổng cộng 14 công ty con), cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,98%	99,98%
Công ty con của Công ty cổ phần công nghệ CRC (Công ty con gián tiếp)					
1	Công ty Cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
2	Công ty Cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
3	Công ty Cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
4	Công ty Cổ phần Cung cấp Năng lượng điện mặt trời	Hà Nội	Năng lượng	98,00%	98,00%
5	Công ty Cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	95,00%	95,00%
6	Công ty Cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh	KonTum	Năng lượng	95,00%	95,00%
7	Công ty Cổ phần Jinca Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,90%	96,90%
8	Công ty Cổ phần xây lắp điện Lâm Đồng	Hà Nội	Năng lượng	97,00%	97,00%
9	Công ty Cổ phần Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,20%	93,20%
10	Công ty Cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Lâm Đồng	Năng lượng	99,50%	99,50%
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Năng Lượng Xanh	Hà Nội	Năng lượng	96,00%	96,00%
12	Công ty Cổ phần Năng lượng xanh Kosun	KonTum	Năng lượng	96,90%	96,90%
13	Công ty Cổ phần Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97,00%	97,00%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc ngày 31/12/2023.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán được Ban Tổng Giám đốc áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ tài chính được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con: là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên doanh: là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết: là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua; chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí sản xuất chung và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| ▪ Máy móc thiết bị | 06 - 12 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải | 05 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị văn phòng | 04 năm |

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm tài sản, giá trị các công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh từ dưới 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác được phân bổ trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng.

Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả và các khoản chi phí phải trả khác.

4.13 Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

sẵn cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Doanh thu và thu nhập

a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu dịch vụ được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

b) Các khoản thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi thanh lý các khoản đầu tư và chênh lệch tỷ giá:

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá

Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

4.17 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn của công trình xây dựng xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp tới việc xây dựng công trình đó.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí đi vay vốn; Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước); lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.18 Thuế**Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Chi tiết các Bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 8.2

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
- Tiền mặt	10.716.683.712	3.713.802.424
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.606.783.890	5.650.572.859
- Các khoản tương đương tiền (*)	35.820.000.000	13.000.000.000
Cộng	<u>59.143.467.602</u>	<u>22.364.375.283</u>

(*) Các khoản tiền gửi kỳ hạn tại ngày cuối năm:

	<u>Kỳ hạn</u> (tháng)	<u>Lãi suất</u> (%/năm)	<u>Số tiền</u> VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	03	3,2%	3.420.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà	01	2,7%	27.400.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	01	2,5%	5.000.000.000
Cộng			<u>35.820.000.000</u>

Trong đó, giá trị tiền gửi kỳ hạn thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng tại ngày cuối năm là 5.000.000.000 đồng. Chi tiết tại thuyết minh số 5.15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	48.420.000.000	48.420.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	48.420.000.000	48.420.000.000	-	-
Dài hạn	500.000.000	500.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
- Trái phiếu	500.000.000	500.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
+ Ngân hàng NN & PT Nông thôn Việt Nam (i)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	290.000.000	290.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	48.920.000.000	48.920.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000

- (i) Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi. Toàn bộ trái phiếu đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà (Chi tiết tại thuyết minh số **5.15**).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào Công ty con	205.950.000.000	-	205.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ CRC	205.950.000.000	-	(*) 205.950.000.000	(*)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Công nghệ CRC	Số 1-BT3 Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	99.98%	99.98%	Năng lượng tái tạo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.3. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty CP Đầu tư CP Farm Việt Nam	1.168.913.030	845.788.030
- Công ty CP Công nghệ EMP	2.286.282.005	11.785.967.459
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội	-	6.195.845.970
- Công ty CP Vật liệu Xây dựng Yên Bái	-	5.016.001.100
- Công ty CP Khoáng sản và XD Hà Nội	905.000.000	-
- UAB Baltic Gate Terminal	2.661.482.688	-
- Các đối tượng khác	1.203.340.919	2.569.790.497
Cộng	8.225.018.642	26.413.393.056

Trong đó, Phải thu khách hàng là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh 8.2)

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty CP TMDV Nhật Minh Xanh	-	3.654.432.000
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Caruvina	-	14.250.000.000
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản GHT	43.654.262.550	34.597.117.977
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh BG	-	8.381.644.880
- Công ty CP Sản xuất XNK Thành Nam	3.655.057.966	11.385.339.707
- Công ty CP Đầu tư CP Farm Việt Nam	16.550.831.190	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Vicenza	407.245.121	1.679.739.402
- Các đối tượng khác	2.008.982.250	3.652.078.786
Cộng	66.276.379.077	77.600.352.752

Trong đó, Trả trước cho người bán là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh 8.2)

5.5. Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	4.850.726	17.913.023
- Chi phí bảo hiểm	4.850.726	12.413.484
- Công cụ, dụng cụ	-	5.499.539
b) Dài hạn	112.082.274	147.545.773
- Công cụ, dụng cụ	108.225.191	147.545.773
- Chi phí trả trước khác	3.857.083	-
Cộng	116.933.000	165.458.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.6. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	13.236.360.792	-	48.721.987.089	-
- Tạm ứng (i)	6.142.315.672	-	5.101.557.572	-
+ Ông Nguyễn Quang Huy	1.142.315.672	-	5.101.557.572	-
+ Ông Đặng Quốc Đăng	5.000.000.000	-	-	-
- Chuyển nhượng cổ phần	-	-	28.573.000.000	-
+ Ông Nguyễn Tiến Độ	-	-	14.473.000.000	-
+ Ông Đào Văn Huỳnh	-	-	7.983.750.000	-
+ Ông Nguyễn Khắc Lưu	-	-	6.116.250.000	-
- Lãi tiền gửi, trái phiếu	57.124.411	-	197.485.808	-
- Cổ tức được phân phối	7.036.920.709	-	14.849.943.709	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	13.236.360.792	-	48.721.987.089	-

Trong đó, Phải thu khác là các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh 8.2)

(i) Tạm ứng tiền đền bù giải phóng mặt bằng nhà máy Pin mặt trời Yên Bái.

5.7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Phải thu khách hàng				
- BEL TamoZhiliya Limited	118.571.650	35.571.495	118.571.650	59.285.825
b) Trả trước cho người bán				
- JA Solar International Limited	-	-	1.088.940.182	326.682.055
Cộng	118.571.650	35.571.495	1.207.511.832	385.967.880

5.8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
- Thành phẩm	2.430.446.000	-	4.954.988.000	-
- Hàng hóa	39.690.787.758	-	43.739.113.577	-
Cộng	42.121.233.758	-	48.694.101.577	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chi tiết hàng gửi tại kho Bên thứ 3:

Tên công ty	Loại hàng gửi	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	Nhân hạt điều	22.730.811.420	26.134.247.568
Công ty CP Đầu tư Phát triển Vicenza	Gạch	7.459.210.741	10.032.867.546
Công ty CP CRC Solar Cell	Pin, máy móc	7.891.849.772	8.014.833.260
Công ty CP Vinasolar Bảo Lộc	Pin	1.159.818.359	361.670.000
Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc	Gạch, sắt thép	2.879.543.466	804.840.558

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	25.292.663.549	3.024.434.000	61.593.636	28.378.691.185
Mua trong năm	-	1.573.789.091	-	1.573.789.091
Thanh lý, nhượng bán	-	(420.439.455)	-	(420.439.455)
Số dư cuối năm	25.292.663.549	4.177.783.636	61.593.636	29.532.040.821
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.744.022.794	1.190.160.997	9.768.885	3.943.952.676
Khấu hao trong năm	2.528.935.800	837.238.544	15.398.412	3.381.572.756
Thanh lý, nhượng bán	-	(264.469.971)	-	(264.469.971)
Số dư cuối năm	5.272.958.594	1.762.929.570	25.167.297	7.061.055.461
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	22.548.640.755	1.834.273.003	51.824.751	24.434.738.509
Tại ngày cuối năm	20.019.704.955	2.414.854.066	36.426.339	22.470.985.360

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 2.334.447.591 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Dự án Nhà máy Sản xuất Pin mặt trời Yên Bái	43.865.649.383	24.690.423.269
- Dự án Khu đô thị CRC	140.000.000	140.000.000
- Xe ô tô VinFast	-	961.000.000
Cộng	44.005.649.383	25.791.423.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Kinh doanh TM và Dịch vụ Vinfast	-	-	1.017.100.000	1.017.100.000
Công ty TNHH Công trình Cơ điện Airsun Việt Nam	1.481.214.056	1.481.214.056	1.981.214.056	1.981.214.056
Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Phan Anh	484.437.619	484.437.619	-	-
Wuxi Prima Technology Co.,Ltd	387.816.000	387.816.000	-	-
Các đối tượng khác	150.624.557	150.624.557	277.381.014	277.381.014
Cộng	2.504.092.232	2.504.092.232	3.275.695.070	3.275.695.070

Trong đó, Phải trả người bán ngắn hạn là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh 8.2).

5.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng ET	-	1.164.500.000
- DAVR-TRADE LLC	-	142.892.640
Cộng	-	1.307.392.640

Trong đó, Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh 8.2)

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số cuối năm VND
Thuế GTGT phải nộp	-	1.058.056.183	1.058.056.183	-
Thuế TN Doanh nghiệp	1.189.728.332	852.831.723	907.972.897	1.134.587.158
Thuế thu nhập cá nhân	88.387.000	-	88.387.000	-
Các loại thuế khác	166.565.224	19.109.674	19.109.674	166.565.224
Cộng	1.444.680.556	1.929.997.580	1.929.997.580	1.301.152.382

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Chi phí lãi vay	120.488.096	99.992.168
- Các khoản khác	48.000.000	48.000.000
Cộng	168.488.096	147.992.168

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

104/140 Khuất Duy Tiên, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.15. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Số có khả năng trả nợ VND
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND		
a) Ngắn hạn	134.763.018.762	134.763.018.762	384.076.038.385	379.316.469.648	130.003.450.025	130.003.450.025	
- Vay ngắn hạn	134.372.667.702	134.372.667.702	383.480.019.253	378.945.618.588	129.838.267.037	129.838.267.037	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình (1)	88.019.204.502	88.019.204.502	237.946.582.647	206.696.561.687	56.769.183.542	56.769.183.542	
+ Ngân hàng Nông nghiệp và PT Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà (2)	39.966.463.200	39.966.463.200	113.183.154.003	137.095.774.298	63.879.083.495	63.879.083.495	
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (3)	-	-	12.463.282.603	21.653.282.603	9.190.000.000	9.190.000.000	
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công (4)	6.387.000.000	6.387.000.000	19.887.000.000	13.500.000.000	-	-	
- Vay dài hạn đến hạn trả	390.351.060	390.351.060	596.019.132	370.851.060	165.182.988	165.182.988	
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (3)	78.000.000	78.000.000	136.500.000	58.500.000	-	-	
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng (5)	312.351.060	312.351.060	459.519.132	312.351.060	165.182.988	165.182.988	
b) Dài hạn	1.359.407.760	1.359.407.760	1.077.100.000	596.019.132	878.326.892	878.326.892	
- Vay dài hạn	1.359.407.760	1.359.407.760	1.077.100.000	596.019.132	878.326.892	878.326.892	
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (3)	263.500.000	263.500.000	400.000.000	136.500.000	-	-	
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng (5)	1.095.907.760	1.095.907.760	677.100.000	459.519.132	878.326.892	878.326.892	
Cộng	136.122.426.522	136.122.426.522	385.153.138.385	379.912.488.780	130.881.776.917	130.881.776.917	

Chi tiết thông tin các khoản vay còn số dư cuối năm:

- 1) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình theo hợp đồng tín dụng số 01/2023/8353501/HĐTD ngày 05/6/2023; Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 6,5%- 8,0%/năm với khoản vay bằng VND và 4,5%-5,5%/năm với khoản vay bằng USD. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại Lô đất số BT3.1 khu chức năng đô thị Tây Mỗ thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; Quyền sử dụng đất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

và quyền sở hữu nhà theo GCNQSD số CN467786 thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tám; 750.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tám.

- 2) Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà theo hợp đồng tín dụng số 1260LAV2023 ngày 30/8/2023; Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 7,0%-8,0%/năm đối với khoản vay bằng VND. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của bà Trần Thị Thu Hiền; Tài sản gắn liền với đất của Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc; 500 Trái phiếu Agribank mang tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.
- 3) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức 01/2023-HĐCVHM/NHCT127-CRC ngày 10/02/2023;
Khoản vay dài hạn: Thời hạn vay là 60 tháng; Lãi suất 11% cho năm đầu tiên; Tài sản thế chấp: Xe ô tô Honda City RS BKS 30K-286.47, giá trị còn lại tại ngày cuối năm là 504.529.384 đồng.
- 4) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/23/HM/8172535 ngày 25/9/2023. Thời hạn vay 06 tháng cho kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 6,5%/năm; Tài sản đảm bảo là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng trị giá 5.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- 5) Khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng theo các hợp đồng tín dụng sau:
 - Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0494 ngày 02/04/2021 và Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0658 ngày 28/04/2021; Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi. Tài sản thế chấp: Xe ô tô Xpander BKS: 30G-966.76 và Xe ô tô Ford Transit BSK: 29B-317.13, giá trị còn lại tại ngày cuối năm lần lượt là 270.030.334 đồng và 313.633.211 đồng.
 - Hợp đồng tín dụng số 806400301157 và hợp đồng thế chấp số SHBVN/TDHP/TC/806400301157 ngày 08/08/2022; Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi; Tài sản thế chấp: Xe ô tô Mitsubishi BSK: 29B-622.58, giá trị còn lại tại ngày cuối năm là 452.488.533 đồng.
 - Hợp đồng tín dụng số 806400311830 ngày 10/01/2023 và hợp đồng thế chấp số SHBVN/TDHP/HĐTC/2023/806400311830 ngày 10/01/2023; Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 10,9%/năm cho năm đầu. Tài sản thế chấp: Xe ô tô Vinfast VF8 BKS: 30K-101.79, giá trị còn lại tại ngày cuối năm là 793.766.129 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	33.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	395.450.500	395.450.500
- Phải trả khác	78.000.000	78.000.000
Cộng	473.450.500	506.450.500

5.17. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa PP VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	10.645.604.925	22.415.546.086	333.061.151.011
Lãi trong năm trước	-	-	20.132.751.964	20.132.751.964
Trả thù lao HĐQT & BKS	-	-	(78.000.000)	(78.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	10.645.604.925	42.470.298.050	353.115.902.975
Lãi trong năm nay	-	-	20.601.820.324	20.601.820.324
Trả thù lao HĐQT & BKS	-	-	(78.000.000)	(78.000.000)
(*)				
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	10.645.604.925	62.994.118.374	373.639.723.299

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 1706/2023/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023:

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Ông Mai Anh Tám	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ông Mai Anh Đức	14.044.800.000	14.044.800.000
- Cổ đông khác	265.955.200.000	265.955.200.000
Cộng	300.000.000.000	300.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn góp chủ sở hữu (**)		
+ Vốn góp đầu kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(**) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 1706/2023/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023 đã thông qua việc tiếp tục phương án tăng vốn điều lệ (Kế hoạch tăng vốn này đã được thông qua trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022). Cụ thể: phát hành 1.800.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 6%); chào bán 30.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán 20.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã quyết định các vấn đề có liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán cổ phiếu riêng lẻ và đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu. Ngày 05/02/2024, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 13/GCN-UBCK.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

5.18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	Quy đổi VND	Nguyên tệ	Quy đổi VND
Tiền gửi ngân hàng				
Đô la Mỹ (USD)	126.155,58	3.041.546.531	77.731,52	1.819.295.502

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	297.419.423.823	355.354.655.759
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.864.325.998	1.251.926.274
Cộng	300.283.749.821	356.606.582.033

Trong đó, Doanh thu với các Bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 8.2).

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	285.833.367.042	345.618.348.392
- Giá vốn dịch vụ	2.611.258.158	1.401.218.537
Cộng	288.444.625.200	347.019.566.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	804.471.211	510.914.377
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.476.000.000	18.535.500.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	209.265.586	18.459.760
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.054.870	44.672.907
- Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	1.200.914.000
Cộng	<u>17.492.791.667</u>	<u>20.310.461.044</u>

6.4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí lãi vay	3.506.173.676	2.520.497.358
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	115.844.504	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	81.687.130	249.764.383
Cộng	<u>3.703.705.310</u>	<u>2.770.261.741</u>

6.5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	435.153.672	1.382.364.850
Cộng	<u>435.153.672</u>	<u>1.382.364.850</u>

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí nhân viên quản lý	1.915.055.240	1.751.276.744
- Chi phí công cụ quản lý	93.097.123	153.768.566
- Chi phí khấu hao TSCĐ	852.636.956	515.484.715
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(738.543.797)	821.543.952
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.603.274.671	655.494.625
- Chi phí bằng tiền khác	7.087.593	168.748.409
Cộng	<u>3.735.607.786</u>	<u>4.069.317.011</u>

6.7. Thu nhập khác

	<u>Năm 2023</u> VND	<u>Năm 2022</u> VND
- Thanh lý tài sản cố định	23.030.516	-
- Công nợ không phải trả	-	359.632.329
- Các khoản khác	4.199.347	216.057.880
Cộng	<u>27.229.863</u>	<u>575.690.209</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.8. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	583.073.284
- Thuế bị phạt, bị truy thu	24.050.364	323.388.961
- Chi phí khác	5.976.972	22.280.214
Cộng	30.027.336	928.742.459

6.9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.417.097.123	21.576.846.331
- Chi phí nhân công	1.915.055.240	1.801.276.744
- Chi phí khấu hao	852.636.956	1.884.885.067
- Chi phí dự phòng	-	821.543.952
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.112.325.519	2.159.677.660
- Chi phí khác bằng tiền	7.087.593	171.748.409
Cộng	7.304.202.431	28.415.978.163

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.454.652.047	21.322.480.296
- Các khoản điều chỉnh tăng LN tính thuế	24.050.364	1.753.435.261
+ <i>Phạt chậm nộp, truy thu thuế</i>	-	323.388.961
+ <i>Chi phí khấu hao</i>	-	583.073.284
+ <i>Trích lập dự phòng phải thu khó đòi</i>	-	821.543.952
+ <i>Chi phí khác</i>	24.050.364	25.429.064
- Các khoản điều chỉnh giảm LN tính thuế	17.214.543.797	18.535.500.000
+ <i>Cổ tức được chia (miễn thuế)</i>	16.476.000.000	18.535.500.000
+ <i>Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi</i>	738.543.797	-
- Lợi nhuận tính thuế TNDN	4.264.158.614	4.540.415.557
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	852.831.723	908.083.111
- Thuế TNDN bổ sung theo Quyết định của cơ quan thuế	-	281.645.221
Cộng	852.831.723	1.189.728.332

6.11. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	384.475.432.123	368.282.882.113
Cộng	384.475.432.123	368.282.882.113

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	379.316.469.648	322.569.470.802
Cộng	379.316.469.648	322.569.470.802

7.3. Các giao dịch phi tiền tệ khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay qua đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	81.687.130	366.989.136
Cộng	81.687.130	366.989.136

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 05/02/2024, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 13/GCN-UBCK. Ngày 07/3/2024, Công ty đã có thông báo số 05/2024/CRC-TB gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về thời gian nhận đăng ký mua cổ phiếu (từ 08/3/2024 đến 15/4/2024) và thời gian nhận tiền mua cổ phiếu (từ 08/3/2024 đến 15/4/2024).

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

8.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Thông tin các bên liên quan

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP Công nghệ CRC	Công ty con cấp 1
2	Công ty CP CRC Invest	Công ty con cấp 2
3	Công ty CP CRC Power	Công ty con cấp 2
4	Công ty CP Canadian Solar Việt Nam	Công ty con cấp 2
5	Công ty CP Jinca Việt Nam	Công ty con cấp 2
6	Công ty CP Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con cấp 2
7	Công ty CP Cung cấp Năng lượng Điện mặt trời	Công ty con cấp 2
8	Công ty CP Vinasolar Đồng Tháp	Công ty con cấp 2
9	Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh	Công ty con cấp 2
10	Công ty CP Xây lắp Điện Lâm Đồng	Công ty con cấp 2
11	Công ty CP Elecsun Việt Nam	Công ty con cấp 2
12	Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Năng Lượng Xanh	Công ty con cấp 2
13	Công ty CP Năng Lượng Xanh Kosun	Công ty con cấp 2
14	Công ty CP Resun Việt Nam	Công ty con cấp 2
15	Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt
16	Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	BLQ của TV HĐQT từ ngày 09/4/2022
17	Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của Chủ tịch HĐQT
18	Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc
19	Công ty CP Vật tư điện Hùng Cường	BLQ của Tổng GĐ đến ngày 9/01/2023
20	Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc công ty con
21	Công ty CP Gốm sứ Haceco	Có cùng Chủ tịch HĐQT đến ngày 13/12/2022
22	Công ty CP Tập đoàn Koly	BLQ của Tổng GĐ đến ngày 13/12/2022
23	Công ty CP Hăng sơn Đông Á	Có cùng Chủ tịch HĐQT
24	Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết đến ngày 21/12/2022

b) Giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Giao dịch trọng yếu và số dư của Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng quản trị	107.966.154	433.761.237
Ông Mai Anh Tám	12.000.000	76.000.000
Bà Dương Thị Huyền	59.966.154	181.761.237
Ông Hoàng Trung Kiên	12.000.000	76.000.000
Ông Phạm Văn Trường	12.000.000	-
Ông Lê Thành Nhân	12.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Lâm Tùng	-	76.000.000
Ban Kiểm soát	115.198.717	94.186.182
Bà Phạm Thị Huệ	103.198.717	75.596.916
Bà Hà Thị Hiền	6.000.000	10.392.844
Ông Nguyễn Văn Nhu	6.000.000	8.196.422
Ban Giám đốc	118.050.000	-
Vũ Thị Thủy	118.050.000	-
Kế toán trưởng	104.384.957	-
Nguyễn Thị Thúy Nga	104.384.957	-
	445.599.828	527.947.419

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm:

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	Mua hàng hóa	-	15.714.780.000
	Bán hàng hóa	-	13.739.222.000
Công ty CP tập đoàn Koly	Mua hàng hóa	-	13.796.000.000
	Bán hàng hóa	-	5.989.719.151
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Mua hàng hóa	-	192.071.600
	Bán hàng hóa	-	16.902.617.855
Công ty CP Vật tư điện Hùng Cường	Bán hàng hóa	-	2.594.442.000
Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc	Bán hàng hóa	-	1.901.460.000
Ông Lê Thành Nhân	Vay	-	19.500.000.000
	Trả gốc vay	-	19.500.000.000
Công ty CP Công nghệ CRC	Cổ tức được chia	16.476.000.000	18.535.500.000
	Nhận tiền cổ tức	24.289.023.000	11.883.566.000
Công ty CP Jinca Việt Nam	Bán hàng hóa	-	601.815.000
Công ty CP Vilasolar Bảo Lộc	Thuê kho	-	21.818.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Số dư với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng	-	649.960.200
Công ty CP Jinca Việt Nam	-	649.960.200
Phải trả người bán	-	21.818.181
Công ty Cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	-	21.818.181
Trả trước cho người bán	-	8.900.187.879
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	-	8.381.644.880
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	-	518.542.999
Phải thu khác	7.036.920.709	14.849.943.709
Công ty CP Công nghệ CRC	7.036.920.709	14.849.943.709

Ngoài ra, Ông Mai Anh Tám, Bà Trần Thị Thu Hiền (Vợ ông Mai Anh Tám) đã sử dụng các tài sản cá nhân để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty. (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.16).

8.3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin về tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 được trình bày lại như sau:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm trước (Đã kiểm toán)	Năm nay (Trình bày lại)	Thay đổi
(Tăng)/ giảm các khoản phải thu	11	(86.257.429.953)	(64.547.693.340)	21.709.736.613
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(72.397.731.049)	(50.687.994.436)	21.709.736.613
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	22	34.093.843.894	12.384.107.281	(21.709.736.613)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	18.516.728.257	(3.193.008.356)	(21.709.736.613)

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ GIANG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



DƯƠNG THỊ HUYỀN